

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024***(Kèm theo Quyết định số 988/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Sở GD&ĐT)***Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên***Đơn vị: đồng*

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>31.631.000.000</b>	<b>1.069.478.500</b>	<b>1.069.478.500</b>	<b>31.631.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo (Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên)</b>		<b>10.439.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10.439.000.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		14.000.000			14.000.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường ngoài công lập (NĐ 81)		289.000.000			289.000.000
	Cấp hỗ trợ chi phí học tập trường ngoài công lập (NĐ 81)		461.000.000			461.000.000
	Cấp hỗ trợ chi phí học tập trường công lập (NĐ 81)		8.370.000.000			8.370.000.000
	Chế độ NĐ 116 của học sinh các trường ngoài công lập		1.305.000.000			1.305.000.000
<b>II</b>	<b>Các đơn vị trực thuộc Sở</b>		<b>21.192.000.000</b>	<b>1.069.478.500</b>	<b>1.069.478.500</b>	<b>21.192.000.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76		234.000.000	73.000.000	43.200.000	263.800.000
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76		783.000.000	-	202.570.000	580.430.000
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		11.036.000.000	891.254.000	65.048.000	11.862.206.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		549.000.000	92.720.000	148.236.000	493.484.000

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND		5.816.000.000	-	46.100.000	5.769.900.000
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017		17.000.000	2.008.000	-	19.008.000
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		2.757.000.000	10.496.500	564.324.500	2.203.172.000
<b>I</b>	<b>Khối THPT</b>					-
<b>1</b>	<b>Trường THPT Sơn Động số 1</b>	<b>422-070-074</b>	<b>2.003.000.000</b>	<b>37.492.000</b>	<b>64.375.500</b>	<b>1.976.116.500</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76		36.000.000		12.600.000	23.400.000
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76		250.000.000			250.000.000
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		1.489.000.000	37.492.000		1.526.492.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		228.000.000		51.775.500	176.224.500
<b>2</b>	<b>Trường THPT Sơn Động số 2</b>	<b>422-070-074</b>	<b>2.347.000.000</b>	<b>0</b>	<b>28.618.000</b>	<b>2.318.382.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76		18.000.000		18.000.000	-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76		80.000.000			80.000.000
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		2.089.000.000			2.089.000.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		160.000.000		10.618.000	149.382.000
<b>3</b>	<b>Trường THPT Sơn Động số 3</b>	<b>422-070-074</b>	<b>738.000.000</b>	<b>1.688.000</b>	<b>83.180.100</b>	<b>656.507.900</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76		36.000.000		12.600.000	23.400.000
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76		110.000.000		22.583.100	87.416.900
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		502.000.000		33.088.000	468.912.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		13.000.000	1.688.000		14.688.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		77.000.000		14.909.000	62.091.000

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
<b>4</b>	<b>Trường THPT Lục Ngạn số 1</b>	<b>422-070-074</b>	<b>104.000.000</b>	<b>65.780.000</b>	<b>678.500</b>	<b>169.101.500</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		73.000.000	65.780.000		138.780.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		8.000.000		300.000	7.700.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		23.000.000		378.500	22.621.500
<b>5</b>	<b>Trường THPT Lục Ngạn số 2</b>	<b>422-070-074</b>	<b>1.578.000.000</b>	<b>201.800.000</b>	<b>10.044.500</b>	<b>1.769.755.500</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		1.474.000.000	201.800.000		1.675.800.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		104.000.000		10.044.500	93.955.500
<b>6</b>	<b>Trường THPT Lục Ngạn số 3</b>	<b>422-070-074</b>	<b>141.000.000</b>	<b>32.308.000</b>	<b>7.184.000</b>	<b>166.124.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		97.000.000	32.060.000		129.060.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		13.000.000	248.000		13.248.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		31.000.000		7.184.000	23.816.000
<b>7</b>	<b>Trường THPT Lục Ngạn số 4</b>	<b>422-070-074</b>	<b>3.115.000.000</b>	<b>434.530.000</b>	<b>113.887.000</b>	<b>3.435.643.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76		108.000.000	38.800.000		146.800.000

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKk, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76		98.000.000		98.000.000	-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		2.691.000.000	395.730.000		3.086.730.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		218.000.000		15.887.000	202.113.000
<b>8</b>	<b>Trường THPT Lục Nam</b>	<b>422-070-074</b>	<b>774.000.000</b>	<b>13.140.000</b>	<b>9.633.000</b>	<b>777.507.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKk, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		648.000.000	13.140.000		661.140.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		27.000.000		3.612.000	23.388.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		99.000.000		6.021.000	92.979.000
<b>9</b>	<b>Trường THPT Phương Sơn</b>	<b>422-070-074</b>	<b>81.000.000</b>	<b>20.120.000</b>	<b>1.787.000</b>	<b>99.333.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKk, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập	422-070-074	49.000.000	20.120.000		69.120.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)	422-070-074	32.000.000		1.787.000	30.213.000
<b>10</b>	<b>Trường THPT Cẩm Lý</b>	<b>422-070-074</b>	<b>57.000.000</b>	<b>976.000</b>	<b>16.413.000</b>	<b>41.563.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKk, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		16.000.000		11.500.000	4.500.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		14.000.000	976.000		14.976.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		27.000.000		4.913.000	22.087.000
<b>11</b>	<b>Trường THPT Tứ Sơn</b>	<b>422-070-074</b>	<b>1.712.000.000</b>	<b>73.092.000</b>	<b>120.886.900</b>	<b>1.664.205.100</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76		36.000.000	34.200.000		70.200.000
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76		245.000.000		81.986.900	163.013.100
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		1.286.000.000	38.892.000		1.324.892.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		145.000.000		38.900.000	106.100.000
<b>12</b>	<b>Trường THPT Yên Thế</b>		<b>517.000.000</b>	<b>71.960.000</b>	<b>0</b>	<b>588.960.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		428.000.000	67.720.000		495.720.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017		9.000.000	504.000		9.504.000
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		80.000.000	3.736.000		83.736.000
<b>13</b>	<b>Trường THPT Bồ Hạ</b>	<b>422-070-074</b>	<b>284.000.000</b>	<b>27.096.000</b>	<b>13.842.000</b>	<b>297.254.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		122.000.000	14.980.000		136.980.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		90.000.000	12.116.000		102.116.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		72.000.000		13.842.000	58.158.000
<b>14</b>	<b>Trường THPT Mỏ Trạng</b>	<b>422-070-074</b>	<b>151.000.000</b>	<b>0</b>	<b>41.053.000</b>	<b>109.947.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		32.000.000		9.140.000	22.860.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		68.000.000		28.636.000	39.364.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		51.000.000		3.277.000	47.723.000
<b>15</b>	<b>Trường THPT Lạng Giang số 1</b>	<b>422-070-074</b>	<b>83.000.000</b>	<b>8.604.000</b>	<b>947.000</b>	<b>90.657.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		24.000.000	3.540.000		27.540.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		39.000.000	5.064.000		44.064.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		20.000.000		947.000	19.053.000
<b>16</b>	<b>Trường THPT Lạng Giang số 2</b>	<b>422-070-074</b>	<b>150.000.000</b>	<b>0</b>	<b>43.791.000</b>	<b>106.209.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		39.000.000		17.112.000	21.888.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		111.000.000		26.679.000	84.321.000
<b>17</b>	<b>Trường THPT Lạng Giang số 3</b>	<b>422-070-074</b>	<b>49.000.000</b>	<b>688.000</b>	<b>6.367.500</b>	<b>43.320.500</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		14.000.000	688.000		14.688.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		35.000.000		6.367.500	28.632.500
<b>18</b>	<b>Trường THPT Tân Yên số 1</b>	<b>422-070-074</b>	<b>80.000.000</b>	<b>1.688.000</b>	<b>9.300.000</b>	<b>72.388.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		14.000.000	1.688.000		15.688.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		66.000.000		9.300.000	56.700.000
<b>19</b>	<b>Trường THPT Tân Yên số 2</b>	<b>422-070-074</b>	<b>177.000.000</b>	<b>0</b>	<b>78.224.000</b>	<b>98.776.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		98.000.000		51.224.000	46.776.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		79.000.000		27.000.000	52.000.000
<b>20</b>	<b>Trường THPT Nhã Nam</b>	<b>422-070-074</b>	<b>118.000.000</b>	<b>0</b>	<b>64.512.000</b>	<b>53.488.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		56.000.000		40.312.000	15.688.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		62.000.000		24.200.000	37.800.000
<b>21</b>	<b>Trường THPT Hiệp Hoà số 1</b>	<b>422-070-074</b>	<b>33.000.000</b>	<b>11.033.000</b>	<b>0</b>	<b>44.033.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKk, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC	422-070-074		7.988.000		7.988.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)	422-070-074	33.000.000	3.045.000		36.045.000
<b>22</b>	<b>Trường THPT Hiệp Hoà số 2</b>	<b>422-070-074</b>	<b>55.000.000</b>	<b>0</b>	<b>17.470.000</b>	<b>37.530.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKk, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		55.000.000		17.470.000	37.530.000
<b>23</b>	<b>Trường THPT Hiệp Hoà số 3</b>	<b>422-070-074</b>	<b>44.000.000</b>	<b>0</b>	<b>17.402.500</b>	<b>26.597.500</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKk, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		14.000.000		7.000.000	7.000.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		30.000.000		10.402.500	19.597.500
<b>24</b>	<b>Trường THPT Hiệp Hoà số 4</b>	<b>422-070-074</b>	<b>48.000.000</b>	<b>9.676.000</b>	<b>14.110.000</b>	<b>43.566.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKk, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		14.000.000	9.676.000		23.676.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		34.000.000		14.110.000	19.890.000
<b>25</b>	<b>Trường THPT Việt Yên số 1</b>	<b>422-070-074</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)					-
<b>26</b>	<b>Trường THPT Việt Yên số 2</b>	<b>422-070-074</b>	<b>45.000.000</b>	<b>14.936.000</b>	<b>6.385.000</b>	<b>53.551.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		14.000.000	14.936.000		28.936.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		31.000.000		6.385.000	24.615.000
<b>27</b>	<b>Trường THPT Lý Thường Kiệt</b>	<b>422-070-074</b>	<b>11.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11.000.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)	422-070-074	11.000.000			11.000.000
<b>28</b>	<b>Trường THPT Yên Dũng số 1</b>	<b>422-070-074</b>	<b>30.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.945.000</b>	<b>26.055.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)	422.070.074	30.000.000		3.945.000	26.055.000
<b>29</b>	<b>Trường THPT Yên Dũng số 2</b>	<b>422-070-074</b>	<b>26.000.000</b>	<b>0</b>	<b>8.765.000</b>	<b>17.235.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		26.000.000		8.765.000	17.235.000
<b>30</b>	<b>Trường THPT Yên Dũng số 3</b>	<b>422-070-074</b>	<b>15.000.000</b>	<b>242.500</b>	<b>0</b>	<b>15.242.500</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		15.000.000	242.500		15.242.500
<b>31</b>	<b>Trường THPT Chuyên Bắc Giang</b>	<b>422-070-074</b>	<b>5.841.000.000</b>	<b>7.488.000</b>	<b>59.300.000</b>	<b>5.789.188.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		9.000.000		9.000.000	-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC			7.488.000		7.488.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND		5.816.000.000		46.100.000	5.769.900.000

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		16.000.000		4.200.000	11.800.000
<b>32</b>	<b>Trường THPT Ngô Sĩ Liên</b>	<b>422-070-074</b>	<b>20.000.000</b>	<b>1.067.000</b>	<b>2.320.000</b>	<b>18.747.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập		7.000.000		2.320.000	4.680.000
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		13.000.000	1.067.000		14.067.000
<b>33</b>	<b>Trường THPT Thái Thuận</b>	<b>422-070-074</b>	<b>24.000.000</b>	<b>0</b>	<b>600.000</b>	<b>23.400.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		24.000.000		600.000	23.400.000
<b>34</b>	<b>Trường THPT Giáp Hải</b>	<b>422-070-074</b>	<b>21.000.000</b>	<b>1.764.000</b>	<b>0</b>	<b>22.764.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017		8.000.000	1.504.000		9.504.000
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		13.000.000	260.000		13.260.000
<b>35</b>	<b>Trường PT DTNT Sơn Động</b>	<b>422-070-074</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKk, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)					-
<b>36</b>	<b>Trường PT DTNT huyện Lục Ngạn</b>	<b>422-070-074</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	-
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKk, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)					-
<b>37</b>	<b>Trường PT DTNT tỉnh</b>	<b>422-070-074</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	-
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKk, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)					-
<b>II</b>	<b>Khối Trung tâm</b>					-
<b>38</b>	<b>Trung tâm GDNN- GDTX huyện Sơn Động</b>	<b>422-070-075</b>	<b>356.000.000</b>	<b>7.488.000</b>	<b>173.596.000</b>	<b>189.892.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBKk, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC		14.000.000	7.488.000	40.000	21.448.000

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		342.000.000		173.556.000	168.444.000
<b>39</b>	<b>Trung tâm GDNN- GDTX huyện Lục Ngạn</b>	<b>422-070-075</b>	<b>105.000.000</b>	<b>0</b>	<b>39.741.000</b>	<b>65.259.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		105.000.000		39.741.000	65.259.000
<b>40</b>	<b>Trung tâm GDNN- GDTX huyện Lục Nam</b>	<b>422-070-075</b>	<b>87.000.000</b>	<b>7.488.000</b>	<b>4.092.000</b>	<b>90.396.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC			7.488.000		7.488.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		87.000.000		4.092.000	82.908.000
<b>41</b>	<b>Trung tâm GDNN- GDTX huyện Lạng Giang</b>	<b>422-070-075</b>	<b>32.000.000</b>	<b>0</b>	<b>428.000</b>	<b>31.572.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		32.000.000		428.000	31.572.000
<b>42</b>	<b>Trung tâm GDNN- GDTX huyện Tân Yên</b>	<b>422-070-075</b>	<b>43.000.000</b>	<b>15.188.000</b>	<b>6.600.000</b>	<b>51.588.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC			15.188.000		15.188.000
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		43.000.000		6.600.000	36.400.000
<b>43</b>	<b>Trung tâm GDNN- GDTX huyện Yên Dũng</b>	<b>422-070-075</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)					-
<b>44</b>	<b>Trung tâm GDNN- GDTX huyện Việt Yên</b>	<b>422-070-075</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)					-
<b>45</b>	<b>Trung tâm GDNN- GDTX huyện Hiệp Hòa</b>	<b>422-070-075</b>	<b>83.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>83.000.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-

TT	CHI TIẾT	Chương loại khoản	Dự toán NSNN giao đầu năm 2024	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh
				Tăng	Giảm	
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)		83.000.000			83.000.000
<b>46</b>	<b>Trung tâm GDTX -NNTH tỉnh BG</b>	<b>422-070-075</b>	<b>14.000.000</b>	<b>2.146.000</b>	<b>0</b>	<b>16.146.000</b>
	Chi trợ cấp lần đầu NĐ 76					-
	Chi trợ cấp một lần khi chuyển ra khỏi vùng ĐBK, thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo NĐ 76					-
	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập					-
	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC					-
	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 39/2023/NQ-HĐND					-
	Chế độ học sinh NĐ 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017					-
	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)	422-070-074	14.000.000	2.146.000		16.146.000

















|











